

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2026/HNGĐ - ST

Ngày 15 tháng 4 năm 2026

“V/v: Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duẩn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Thông;

Ông Nguyễn Ngọc Triển;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thịnh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2025/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đặng Văn H, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn V, xã V, tỉnh Phú Thọ, “Có mặt”.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Thu H1, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn P, xã V, tỉnh Phú Thọ, “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 10 năm 2025 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Đặng Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Thu H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã V, tỉnh Phú Thọ) vào ngày 01/12/2023. Sau khi kết hôn chị H1 về nhà anh làm dâu luôn, vợ chồng ở trên đất của bố mẹ anh. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc được một tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Chị H1 đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở và đi làm ăn bên ngoài cắt đứt mọi liên lạc với anh kể từ thời điểm tháng 01/2024 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh và

mẹ anh có đến gia đình chị H1 dàn xếp để vợ chồng về đoàn tụ tuy nhiên không gặp được chị H1. Nay, anh xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H1. Việc anh làm đơn xin ly hôn chị H1 là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị H1 không có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp anh H không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị Thu H1 trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng mối quan hệ có tranh chấp, xác định đúng tư cách đương sự, lập hồ sơ vụ án, lập biên bản giao nhận các văn bản tố tụng, tổng đạt thông báo thụ lý, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo thời gian đúng quy định, người tham gia tố tụng anh H đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, chị H1 là bị đơn đã nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận cho anh Đặng Văn H được ly hôn chị Trần Thị Thu H1.

Về con chung: Anh Đặng Văn H và chị Trần Thị Thu H1 không có con chung nên không xem xét giải quyết

Về quan hệ tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Đặng Văn H phải chi án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã V, tỉnh Phú Thọ, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ

Bị đơn chị Trần Thị Thu H1 quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải

được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án về địa phương làm việc, lấy lời khai của bà Phan Thị M là mẹ đẻ của chị Trần Thị Thu H1. Bà M trình bày việc chị H1 và anh H kết hôn với nhau là đúng, sau khi kết hôn được một tháng thì chị H1 bỏ về nhà bà chung sống cùng bà từ đó đến nay và hiện nay thì chị H1 và anh H không chung sống cùng nhau nữa. Nguyên nhân chị H1 không chung sống cùng anh H nữa thì chị H1 có nói với bà là do vợ chồng không hợp nhau nên chị H1 bỏ về nhà bà. Những lần Tòa án gửi văn bản đến cho chị H1 thì bà đều nhận được và thông báo lại cho chị H1 biết, chị H1 đã nhận được toàn bộ các Thông báo, giấy báo, văn bản của Tòa án gửi nhưng bận công việc nên chị H1 không đến Tòa làm việc được. Về con chung vợ chồng anh H, chị H1 không có con chung. Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức lao động: Anh chị không có tài sản gì chung. Anh H làm đơn xin ly hôn chị H1, chị H1 có nói với bà M, chị đồng ý ly hôn với anh H nhưng do bận công việc nên không đến Tòa án làm việc được.

Toà án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị H1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần. Tại phiên tòa hôm nay chị H1 vắng mặt do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn thể hiện. Việc kết hôn giữa anh Đặng Văn H và chị Trần Thị Thu H1 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã V, tỉnh Phú Thọ). Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị H1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh H và chị H1 có thời gian chung sống cùng nhau hòa thuận, hạnh phúc được một tháng. Sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, chị H1 đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 01 năm 2024 đến nay. Giữa anh H và chị H1 đã cắt đứt mọi liên lạc với nhau kể từ thời điểm chị H1 về nhà bố mẹ đẻ ở. Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa anh Đặng Văn H vẫn giữ quan điểm xin ly hôn chị Trần Thị Thu H1. Về phía chị Trần Thị Thu H1 trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến Tòa án làm việc và hòa giải nhiều lần nhưng chị H1 vẫn không đến Tòa án làm việc. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã lấy lời khai của mẹ đẻ chị H1 là bà Phan Thị M1, bà M1 trình bày việc chị H1 và anh H kết hôn với nhau là đúng, sau khi kết hôn được một tháng thì chị H1 bỏ về nhà bà chung sống cùng bà từ đó đến nay và hiện nay thì chị H1 và anh H không chung sống cùng nhau nữa. Nguyên nhân khiến chị H1 và anh H sống ly thân là do vợ chồng không hợp

nhau chị H1 có nói quan điểm của chị với bà M1 là chị đồng ý ly hôn với anh H nhưng do chị H1 bận công việc nên không lên Tòa làm việc được.

Xác minh tại UBND xã V cho biết anh H, chị H1 kết hôn với nhau ngày 01/12/2023 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị H1 về nhà anh H chung sống tại một thời gian khoảng một tháng thì chị H1 về nhà mẹ đẻ chị ở thôn P, xã V sinh sống. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được. Anh H có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh H, chị H1 không có con chung; Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức lao động: Do anh chị không đề nghị hòa giải ở cơ sở nên địa phương không nắm được. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh chị là mâu thuẫn về vấn đề tình cảm do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2024 đến hiện tại hai vợ chồng không có dàn xếp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận cho anh H được ly hôn với chị H1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Đặng Văn H, chị Trần Thị Thu H1 không có con chung.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức lao động: Anh H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị H1 không đến Tòa không rõ quan điểm ra sao nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án giải quyết bằng việc kiện dân sự khác.

Từ những phân tích, nhận định trên thấy quan điểm của Viện kiểm sát có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Anh Đặng Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Cho anh Đặng Văn H được ly hôn chị Trần Thị Thu H1.

Về con chung: Không có; Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức lao động: Anh Đặng Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Anh Đặng Văn H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0004417 ngày 29

tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ, anh Đặng Văn H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 10 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Vĩnh Thành;
- Lưu HS + VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Duẩn

